

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN TÂN PHÚ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 235/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30-03-2023

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh H

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Quang C
2. Bà Nguyễn Thị Thanh T

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Mai Thanh H1 – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

*- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hồng D – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 03 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 533/2022/HNST ngày 12 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 03 năm 2023 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Cẩm Th, sinh năm 1986; Thường trú: 64 Ấp Phước Thạnh 2, xã Thành Triệu, huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre; Địa chỉ liên hệ: 163/1D Trương Vĩnh Ký, Ấp Thuận An, xã Mỹ Thạnh An, Tp Bến Tre, Tỉnh Bến Tre (có đơn xin vắng mặt)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Th:* Bà Nguyễn Thị M – Luật sư Công ty Luật Mirai Việt Nam - Thuộc Liên đoàn luật sư Việt Nam (có đơn xin vắng mặt)

*- Bị đơn:* Ông Đặng Công H2, sinh năm 1981; Thường trú: Trung Tâm, xã Thanh Bình, huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai; Tạm trú: Phòng số 3, số 31/35 Huỳnh Thiện Lộc, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, Tp.HCM (có đơn xin vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông H2: Ông Bùi Văn L, sinh năm 1999, địa chỉ liên hệ: 303C Đồng Văn Công, phường 7, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre (Giấy ủy quyền ngày 04/11/2022 để thực hiện việc nộp tài liệu chứng cứ và ký nhận các văn bản tổng đạt, quyết định, bản án của Tòa án).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/03/2022 và tại bản tự khai ngày 13/6/2022 nguyên đơn bà Võ Thị Cẩm Th trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Th và ông H2 tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã Thành Triệu, huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận kết hôn số 05/2014, quyền số 01/2013 ngày 07/02/2014. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên tranh cãi. Bà đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả và hiện nay mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không có phương hướng giải quyết. Do mâu thuẫn nên vợ chồng ly thân sống riêng từ tháng 10/2021 đến nay. Nay nhận thấy mâu thuẫn không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông H2.

- Về quan hệ con chung: Bà và ông H2 chung sống có 01 con chung tên Đặng Ngọc Bảo U, sinh ngày 26/9/2015. Hiện tại con chung đang chung sống với bà nên khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông H2 cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: Bà Th yêu cầu tự thỏa thuận giải quyết.

Về nợ chung: Bà Th khai không có.

*Tại đơn đề nghị vắng mặt ngày 04/11/2022 – bị đơn ông Đặng Công H2 trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Th tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã Thành Triệu, huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận kết hôn số 05/2014, quyền số 01/2013 ngày 07/02/2014. Hai bên chung sống có nhiều bất đồng, cuộc sống vợ chồng ngày càng bất hòa, mâu thuẫn trầm trọng nên hai bên đã ly thân hơn 01 năm nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên trước yêu cầu ly hôn của bà Th thì ông đồng ý ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Ông và bà Th chung sống có 01 con chung tên Đặng Ngọc Bảo U, sinh ngày 26/9/2015. Hiện tại con chung đang chung sống với bà Th nên khi ly hôn ông đồng ý để bà Th trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ông không cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: Ông H2 yêu cầu tự thỏa thuận giải quyết.

Về nợ chung: Ông H2 khai không có.

*Tại văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Bà Th và ông H2 chung sống có đăng ký kết hôn vào năm 2014. Quá trình chung sống hai bên có 01 con chung là cháu Đặng Ngọc Bảo U, sinh ngày 26/9/2015. Hiện tại con chung đang sống cùng bà Th ở xã Thành Triệu, huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Đặng Công Công H2 đã có văn bản đồng ý ly hôn và thống nhất để bà Th trực tiếp nuôi dưỡng con sau khi ly hôn. Do đó, xét thấy việc con chung tiếp tục chung sống với bà Th sẽ đảm bảo không bị thay đổi môi trường sống, học tập và phát triển nên việc bà Th nuôi con sẽ phù hợp.

Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Th; Về con chung: Chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung là cháu Đặng Ngọc Bảo U, sinh ngày 26/9/2015 của bà Th. Chấp nhận yêu cầu về việc bà Th không yêu cầu ông H2 cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Bà Th và ông H2 tự thỏa thuận giải quyết; Về nợ chung: Chấp nhận việc hai bên khai không có nợ chung.

Do nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn có đơn xin vắng mặt. Tòa án không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu quan điểm:*

- Về việc tuân theo pháp luật: Dương sự, Thư ký và Hội đồng xét xử đều tuân theo pháp luật tố tụng quy định tại Điều 28; Điều 48; Điều 69; Điều 79; Điều 171; Điều 173 và Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tuy nhiên có vi phạm Điều 203 về thời hạn đưa vụ án ra xét xử nhưng không làm ảnh hưởng tới nội dung vụ án nên kiến nghị khắc phục.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông H2 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Hai bên xác nhận quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên đã ly thân. Bà Th yêu cầu ly hôn, ông H2 đồng ý ly hôn. Do đó căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của bà Th ông H2. Về quan hệ con chung : Bà Th yêu cầu nuôi con chung là cháu Đặng Ngọc Bảo U, sinh ngày 26/9/2015, ông H2 cũng đồng ý giao con cho bà Th và không cấp dưỡng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận việc nuôi con chung của bà Th. Về tài sản chung: Bà Th và ông

H2 yêu cầu Tự thỏa thuận giải quyết; nợ chung: Không có; Về án phí: Tính theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 05/2014, quyền số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã Thành Triệu, huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre cấp ngày 07/02/2014 cho bà Th và ông H2 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông H2 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Ông H2 hiện cư ngụ tại quận Tân Phú, nay bà Th yêu cầu ly hôn, Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục vắng mặt đương sự:

Bà Võ Thị Cẩm Th và ông Đặng Công H2 đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân quận Tân Phú vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Th ông H2.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét, việc bà Võ Thị Cẩm Th yêu cầu ly hôn với ông Đặng Công H2

Căn cứ vào bản tự khai của nguyên đơn và phần trình bày của bị đơn tại đơn trình bày, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Th ông H2 chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hai bên xác nhận đã ly thân từ tháng 10/2021 đến nay. Nay bà Th2 yêu cầu ly hôn, ông H2 cũng đồng ý ly hôn.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa bà Th và ông H2 là hoàn toàn tự nguyện không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử ghi nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Th và ông H2.

- Về quan hệ con chung: Xét việc bà Th yêu cầu được nuôi con chung là cháu Đặng Ngọc Bảo U, sinh ngày 26/9/2015:

Xét, việc giao con chung cho ai là người trực tiếp nuôi dưỡng phải dựa vào quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên. Hiện nay cháu U do bà Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Mặt khác ông H2 cũng đồng ý để bà Th nuôi con

chung. Do đó, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử ghi nhận việc giao con chung cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Th không yêu cầu ông H2 cấp dưỡng nuôi, nên Hội đồng xét xử xét thấy tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông H2 do bà Th không yêu cầu.

- Về quan hệ tài sản chung: Hai bên yêu cầu tự thỏa thuận giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này hai bên có tranh chấp thì sẽ được giải quyết trong một vụ kiện khác.

Về nợ chung: Hai bên khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này hai bên chứng minh được có nợ chung thì sẽ được giải quyết trong một vụ kiện khác.

[3] Về án phí:

Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 267; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117, Điều 118 và Điều 119 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Võ Thị Cẩm Th.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Võ Thị Cẩm Th và ông Đặng Công H2.

Giấy chứng nhận kết hôn số 05/2014, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã Thành Triệu, huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre cấp ngày 07/02/2014 cho bà Th và ông H2 không còn giá trị pháp luật kể từ ngày Bản án của tòa án có hiệu lực.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Đặng Ngọc Bảo U, sinh ngày 26/9/2015 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông H2 do bà Th không có yêu cầu.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa giải quyết.

+ Ông H2 được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: Hai bên yêu cầu tự thỏa thuận giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này hai bên có tranh chấp thì sẽ được giải quyết trong một vụ kiện khác.

Về nợ chung: Hai bên khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này hai bên chứng minh được có nợ chung thì sẽ được giải quyết trong một vụ kiện khác.

## 2. Về án phí:

Bà Võ Thị Cẩm Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí do bà Th đã nộp theo biên lai thu tiền số 0035553 ngày 12/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Th đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

## 3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận***

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận T;
- UBND X.T, H.C Tỉnh B;
- Chi cục THADS Q. T;
- Lưu VP, hồ sơ ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thanh H**

